

UBND HUYỆN PHÚ LƯƠNG
TRUNG TÂM GDNN - GDTX

Số: 02 /TB-TTGDNN-GDTX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Lương, ngày 20 tháng 3 năm 2023

THÔNG BÁO

Công khai danh sách học viên được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập Học kỳ II - Năm học 2022-2023

Căn cứ Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 20/3/2023 của UBND huyện Phú Lương về việc phê duyệt danh sách học viên Trung tâm GDNN-GDTX được hưởng chế độ chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập Học kỳ II năm học 2022-2023.

Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện Phú Lương thông báo danh sách học viên được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập Học kỳ II năm học 2022-2023 như sau:

- Học viên được miễn, giảm học phí: 30 học viên;
- + Học viên được miễn học phí: 17 học viên;
- + Học viên được giảm 50% học phí: 13 học viên.
- Học viên được hỗ trợ chi phí học tập: 20 học viên.

(có Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 20/3/2023 và danh sách kèm theo)

Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện Phú Lương trân trọng thông báo. *qln*

Nơi nhận:

- Tổ GDTX;
- Tổ Đào tạo nghề;
- Tổ HC-TH;
- Tổ Giáo vụ;
- Đăng Website;
- Lưu: TTGDNN-GDTX.

GIÁM ĐỐC



Trịnh Văn Tường

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh sách học viên Trung tâm GDNN-GDTX được hưởng chế độ chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập
Học kỳ II năm học 2022 - 2023**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND, ngày 29/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân năm học 2022 – 2023 thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý;

Căn cứ Hướng dẫn số 2011/HDLS-SGDĐT-STC, ngày 08/9/2022 của liên Sở Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính về việc thực hiện mức thu học phí, chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân năm học 2022-2023 thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 06/TTr-TTGDNN-GDTX, ngày 13/03/2023 của Trung tâm GDNN-GDTX huyện Phú Lương về việc đề nghị phê duyệt danh sách học viên được hưởng chế độ chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập học kỳ II năm học 2022-2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách học viên được hưởng chế độ chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập học kỳ II năm học 2022-2023, cụ thể như sau:

- Học viên được miễn, giảm học phí: 30 học viên;
- + Học viên được miễn học phí: 17 học viên;
- + Học viên được giảm 50% học phí: 13 học viên.
- Học viên được hỗ trợ chi phí học tập: 20 học viên.

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Giao Giám đốc Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên có trách nhiệm thực hiện việc hỗ trợ cho học viên theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Phú Lương; Giám đốc Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các học viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Lưu: VT, TTGDNN-GDTX. *[Signature]*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



[Signature]
Nguyễn Thúc Hằng

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022-2023
TÍNH TỪ THÁNG 01 ĐẾN THÁNG 05 NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số: **389/QĐ-UBND** ngày **20** tháng **3** năm 2023 của UBND huyện Phú Lương)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Lớp	Nơi cư trú	Tổng số đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập	Trong đó:				Số tiền/tháng	Số tháng được hưởng	Tổng tiền được hưởng	Ghi chú
						Đối tượng khuyết tật	Đối tượng Hộ nghèo	Mô côi	Đối tượng ở thôn/bản ĐBKK, xã khu vực III dân tộc và miền núi				
1	Nguyễn Phan Huân	2007	10A1	Ôn Lương, Phú Lương, Thái Nguyên	1		1			150.000	5	750.000	
2	Nhâm Anh Khôi	2007	10A1	Động Đạt, Phú Lương, Thái Nguyên	1		1			150.000	5	750.000	
3	Đoàn Thị Nguyệt	2007	10A2	Vô Tranh, Phú Lương, Thái Nguyên	1		1			150.000	5	750.000	
4	Ma Anh Hoàng	2006	10A3	Hợp Thành, Phú Lương, Thái Nguyên	1		1			150.000	5	750.000	
5	Tổng Thị Hương Giang	2007	10A3	Phúc Lương, Đại Từ, Thái Nguyên	1		1			150.000	5	750.000	
6	Triệu Thị Hoa	2007	10A4	Phấn Mễ, Phú Lương, Thái Nguyên	1		1			150.000	5	750.000	
7	Vũ Minh Hùng	2007	10A4	Thị trấn Đu, Phú Lương, Thái Nguyên	1		1			150.000	5	750.000	
8	Nguyễn Mai Thương	2007	10A4	Ôn Lương, Phú Lương, Thái Nguyên	1		1			150.000	5	750.000	
9	Hoàng Châm Anh	2007	10A4	Yên Lạc, Phú Lương, Thái Nguyên	1		1			150.000	5	750.000	
10	Nguyễn Thị Thùy Linh	2007	10A4	Phù Lý, Phú Lương, Thái Nguyên	1		1			150.000	5	750.000	
11	Phạm Hoàng Lâm	2007	10A6	Phấn Mễ, Phú Lương, Thái Nguyên	1		1			150.000	5	750.000	
12	Lương Thị Yến Hạnh	2006	11A1	Yên Lạc, Phú Lương, Thái Nguyên	1		1			150.000	5	750.000	
13	Lý Minh Đức	2006	11A2	Hợp Thành, Phú Lương, Thái Nguyên	1		1			150.000	5	750.000	
14	Trần Cẩm Vân	2005	11A2	Ôn Lương, Phú Lương, Thái Nguyên	1		1			150.000	5	750.000	
15	Triệu Thị Diễm	2006	11A2	Ôn Lương, Phú Lương, Thái Nguyên	1		1			150.000	5	750.000	
16	Nguyễn Văn Hào	2007	10A5	Vô Tranh, Phú Lương, Thái Nguyên	1			1		150.000	5	750.000	
17	Hoàng Thị Ngọc Linh	2006	11A3	Văn Lăng, Đồng Hỷ, Thái Nguyên	1				1	150.000	5	750.000	
18	Hoàng Vũ Trường	2006	11A2	Văn Lăng, Đồng Hỷ, Thái Nguyên	1				1	150.000	5	750.000	
19	Sầm Long Nhật	2006	11A3	Đồng Tâm, Động Đạt, Phú Lương, Thái Nguyên	1				1	150.000	5	750.000	
20	Hoàng Văn Bảo	2005	12A1	Văn Lăng, Đồng Hỷ, Thái Nguyên	1				1	150.000	5	750.000	
Tổng số					20	0	15	1	4			15.000.000	

(Số tiền bằng chữ: Mười lăm triệu đồng chẵn./.)

Tổng số: 20 học viên (Trong đó: 15 học viên hộ nghèo, 01 học viên mô côi, 04 học viên ở thôn/bản ĐBKK, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi)

Tuy

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022-2023
TÍNH TỪ THÁNG 01 ĐẾN THÁNG 05 NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số: 389 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2023 của UBND huyện Phú Lương)

STT		Năm sinh	Lớp	Nơi cư trú	Tổng số đối tượng được miễn, giảm học phí	Trong đó:				Số tiền/tháng	Số tháng được hưởng	Tổng tiền	Ghi chú	
						Các đối tượng được miễn học phí			Đối tượng được giảm 50%					
						Hộ nghèo	Con thương binh	Mồ côi						
I	Đối tượng được miễn 100% học phí					17	15	1	1	0		17.000.000		
1	Nguyễn Phan Huân	2007	10A1	Ôn Lương, Phú Lương, Thái Nguyên	1	1					200.000	5	1.000.000	
2	Nhâm Anh Khôi	2007	10A1	Động Đạt, Phú Lương, Thái Nguyên	1	1					200.000	5	1.000.000	
3	Đoàn Thị Nguyệt	2007	10A2	Vô Tranh, Phú Lương, Thái Nguyên	1	1					200.000	5	1.000.000	
4	Ma Anh Hoàng	2006	10A3	Hợp Thành, Phú Lương, Thái Nguyên	1	1					200.000	5	1.000.000	
5	Tống Thị Hương Giang	2007	10A3	Phúc Lương, Đại Từ, Thái Nguyên	1	1					200.000	5	1.000.000	
6	Triệu Thị Hoa	2007	10A4	Phấn Mễ, Phú Lương, Thái Nguyên	1	1					200.000	5	1.000.000	
7	Vũ Minh Hùng	2007	10A4	Thị trấn Du, Phú Lương, Thái Nguyên	1	1					200.000	5	1.000.000	
8	Nguyễn Mai Thương	2007	10A4	Ôn Lương, Phú Lương, Thái Nguyên	1	1					200.000	5	1.000.000	
9	Hoàng Châm Anh	2007	10A4	Yên Lạc, Phú Lương, Thái Nguyên	1	1					200.000	5	1.000.000	
10	Nguyễn Thị Thùy Linh	2007	10A4	Phù Lý, Phú Lương, Thái Nguyên	1	1					200.000	5	1.000.000	
11	Nguyễn Văn Hào	2007	10A5	Vô Tranh, Phú Lương, Thái Nguyên	1				1		200.000	5	1.000.000	
12	Phạm Hoàng Lâm	2007	10A6	Phấn Mễ, Phú Lương, Thái Nguyên	1	1					200.000	5	1.000.000	
13	Lương Thị Yến Hạnh	2006	11A1	Yên Lạc, Phú Lương, Thái Nguyên	1	1					200.000	5	1.000.000	
14	Lý Minh Đức	2006	11A2	Hợp Thành, Phú Lương, Thái Nguyên	1	1					200.000	5	1.000.000	
15	Trần Cẩm Ván	2005	11A2	Ôn Lương, Phú Lương, Thái Nguyên	1	1					200.000	5	1.000.000	
16	Triệu Thị Diễm	2006	11A2	Ôn Lương, Phú Lương, Thái Nguyên	1	1					200.000	5	1.000.000	
17	Nguyễn Xuân Núi	2005	12A1	Vô Tranh, Phú Lương, Thái Nguyên	1		1				200.000	5	1.000.000	

12/3

STT	Họ và tên	Năm sinh	Lớp	Nơi cư trú	Tổng số đối tượng được miễn, giảm học phí	Trong đó:				Số tiền/tháng	Số tháng được hưởng	Tổng tiền	Ghi chú
						Các đối tượng được miễn học phí			Đối tượng được giảm 50%				
						Hộ nghèo	Con thương binh	Mồ côi					
II Đối tượng giảm 50% học phí													
18	Bùi Xuân Hình	2007	10A1	Động Đạt, Phú Lương, Thái Nguyên	13	0	0	0	13			6.500.000	
19	Tô Quốc An	2006	10A1	Động Đạt, Phú Lương, Thái Nguyên	1				1	100.000	5	500.000	
20	Hoàng Thị Cẩm Tú	2007	10A1	Phù Lý, Phú Lương, Thái Nguyên	1				1	100.000	5	500.000	
21	Phan Thanh Dương	2007	10A1	Phù Lý, Phú Lương, Thái Nguyên	1				1	100.000	5	500.000	
22	Lã Phan Kiên Chính	2007	10A1	Phù Lý, Phú Lương, Thái Nguyên	1				1	100.000	5	500.000	
23	Nông Văn Thuyên	2007	10A2	Yên Lạc, Phú Lương, Thái Nguyên	1				1	100.000	5	500.000	
24	Lương Quốc Chung	2007	10A2	Yên Lạc, Phú Lương, Thái Nguyên	1				1	100.000	5	500.000	
25	Hoàng Thị Thu Hà	2007	10A5	Phù Lý, Phú Lương, Thái Nguyên	1				1	100.000	5	500.000	
26	Nhâm Thị Diễm Quỳnh	2007	10A6	Động Đạt, Phú Lương, Thái Nguyên	1				1	100.000	5	500.000	
27	Bùi Thị Trà	2005	11A1	Phấn Mễ, Phú Lương, Thái Nguyên	1				1	100.000	5	500.000	
28	Đỗ Mạnh Thiệp	2006	11A1	Động Đạt, Phú Lương, Thái Nguyên	1				1	100.000	5	500.000	
29	Phạm Đức Thiện	2006	11A1	Túc Tranh, Phú Lương, Thái Nguyên	1				1	100.000	5	500.000	
30	Trần Mạnh Hùng	2005	12A1	Yên Đổ, Phú Lương, Thái Nguyên	1				1	100.000	5	500.000	
Tổng cộng (I+II)					30	15	1	1	13			23.500.000	

(Số tiền bằng chữ: Hai mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng chẵn.)

(Tổng số: 30 học viên. Trong đó: Miễn 100%: 17 học viên, giảm 50%: 13 học viên)

